TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24-5-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Hà Thị Hải

2.Ông Nguyễn Xuân Thư

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Khê: Ông Nguyễn Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số:02/2018/TL-HNGĐ ngày 03/01/2018 về tranh chấp Hôn nhân gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXX-ST ngày 14/3/2018, giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Anh Nguyễn Đức H (Nguyễn Văn H) - sinh năm 1976

Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

- ***Bị đơn*****:** Chị Lê Thị Bích T (Lê Thị T) - sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu 1, xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và lời khai tại tòa nguyên đơn anh Nguyễn Đức H trình bày: Anh và chị Lê Thị Bích T kết hôn ngày 27/10/1999 tự nguyện có đăng

ký tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Phú Thọ, sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh H và làm ruộng, ở chung được khoảng 02 năm thì vợ chồng cùng đi làm lao động tự do. Qúa trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc được khoảng 06 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng với nhau về quan điểm sống, nên mâu thuẫn thường xuyên xảy ra, mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 6/ 2016 do mâu thuẫn trầm trọng vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn anh xin được ly hôn chị T.

Về con chung: Anh H trình bày vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan A - sinh ngày 27/2/2001, Nguyễn Thị Thu T- sinh ngày 16/8/2003, hiện nay cháu A đã có công việc làm ổn định, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn cháu T đang ở với anh. Ly hôn anh H xin được trực tiếp nuôi cháu T và không yêu cầu chị T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ chung, đất nông nghiệp: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự từ khi thu lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, đều thực hiện đúng quy định pháp luật. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, chưa chấp hành pháp luật, làm kéo dài thời gian giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 180, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Về quan hệ hôn nhân: xử cho anh Nguyễn Đức H được ly hôn chị Lê Thị Bích T.

- Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thu T, chị T không phải cấp dưỡng, vì anh H không yêu cầu.

Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét, đánh giá đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đức H và chị Lê Thị Bích T kết hôn đảm bảo các quy đinh về điều kiện kết hôn và không thuộc trường hợp cấm kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân gia đình, đó là cuộc hôn nhân hợp pháp. Kết quả thu thập chứng cứ và lời bày của nguyên đơn tại tòa cho thấy, tình cảm vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do bất đồng với nhau về quan điểm sống, tháng 9/2016 đến nay vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi không quan đến nhau. Tòa án đã thông tin tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú trên các phương tiên thông tin đại chúng, nhưng chị T không có mặt. "Mẹ đẻ chị T cho biết thỉnh thoảng chị T vấn gọi điện về nhà và cũng biết được việc anh H xin ly hôn chị, nhưng do chị làm ăn ở xa không về tòa án giải quyết được, đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị", điều này chứng tỏ tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh H xin ly hôn chị T là có căn cứ chấp nhận.

[2]. Về con chung: vợ chồng anh Hiệp, chị Thảo có 02 con chung là Nguyễn Thị Lan Ánh - sinh ngày 27/2/2001, hiện nay cháu Ánh đã có công việc làm ổn định, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Còn cháu Trang đang ở với anh Hiệp. Kể từ khi vợ chồng sống ly thấn đến nay chị Thảo không quan tâm chăm sóc đến con chung, để đảm bảo sự ổn định của con chung, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và nguyện vọng của cháu Trang, nên giao cho anh Hiệp trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trang, chị Thảo không phải cấp dưỡng, vì anh Hiệp không yêu cầu.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung, đất nông nghiệp: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét.

[4]. Về lệ phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu lệ phí thông tin.

[5]. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147, khoản 2 điều 180, điểm b khoản 2 điều 227, khoản 3 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết

326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

1**.Về quan hệ hôn nhân**: Xử cho anh Nguyễn Đức H (Nguyễn Văn H) được ly hôn chị Lê Thị Bích T (Lê Thị T).

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Đức H (Nguyễn Văn H) trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Thu T - sinh ngày 16/8/2003, chị Lê Thị Bích T (Lê Thị T) không phải cấp dưỡng, vì anh H không yêu cầu.

3. Về lệ phí: Anh Nguyễn Đức H (Nguyễn Văn H) phải chịu 2.850.000đ lệ phí thông tin, xác nhận anh H đã nộp đủ.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Đức H (Nguyễn Văn H) phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền ngày 03/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án anh Hiệp có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Chị Thảo vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- UBND xã Đồng Lương
- Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ ;
- Lưu VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Thị Dân